

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

Bản án số: 64/2025/HS-PT

Ngày 17-11-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phùng Đức Chính

Các Thẩm phán: Ông Vi Đức Trí

Ông Lộc Sơn Thái

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Cao Cường - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 76/2025/TLPT-HS ngày 15 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Dũng T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2025/HS-ST ngày 07-9-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Dũng T; tên gọi khác: Không; sinh ngày 02/9/1983, tại tỉnh Tuyên Quang; nơi thường trú và chỗ ở: Số P, khu đô thị V, phường G, quận L, thành phố Hà Nội (nay là phường P, thành phố Hà Nội); Căn cước công dân số 008083000225 cấp ngày 13/11/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Bùi Thị C (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Thanh T2 và 01 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 08/QĐ-XPHC ngày 26/8/2017, Công an quận L, thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo 3.500.000 đồng về hành vi Cầm cố tài sản không có giấy tờ (đã hết thời hạn được coi là đã bị xử lý hành chính). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/4/2025 tạm giam từ ngày 26/4/2025 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh L; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1985; nơi cư trú: P916 - K, khu đô thị V, phường G, quận L (nay là phường P), thành phố Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 20 phút ngày 22/4/2025, tổ công tác Phòng C2 Công an tỉnh L làm nhiệm vụ tại khu vực đường C thuộc khối H thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (nay là phường K, tỉnh Lạng Sơn) phát hiện bắt quả tang Nguyễn Dũng T dùng xe ô tô nhãn hiệu Suzuki biển kiểm soát 30K.27xxx chở 06 người có quốc tịch Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam.

Quá trình điều tra làm rõ, năm 2023, Nguyễn Dũng T làm lái xe tắc xi tại Hà Nội có đăng thông tin số điện thoại trên các hội nhóm chở khách dịch vụ mạng Facebook, zalo. Đầu tháng 4/2025, Nguyễn Dũng T kết bạn với tài khoản zalo tên “C1” đăng ký số điện thoại 0386.670.582. Sau đó người này đặt vấn đề thuê Nguyễn Dũng T đón khách Trung Quốc từ khu vực tỉnh Lạng Sơn về tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh), tiền công là 1.000.000 đồng/chuyến. Để tiện liên lạc trong quá trình đón khách, ngày 21/4/2025, Nguyễn Dũng T được một người đàn ông không xác định được nhân thân đưa cho 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh lấp sim số 0346.093.245, đăng ký tài khoản zalo tên “Dung N”.

Khoảng 18 giờ ngày 22/4/2025, người sử dụng tài khoản zalo “Hoangminh” (không xác định được nhân thân) liên lạc thuê Nguyễn Dũng T khoảng 22 giờ cùng ngày lên khu vực cây xăng H3, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (nay là phường K, tỉnh Lạng Sơn) đón khách và gửi cho Nguyễn Dũng T vị trí đón, thỏa thuận tiền công là 1.000.000 đồng/chuyến. Khoảng 22 giờ 15 phút, Nguyễn Dũng T đi theo định vị đến vị trí gần cây xăng H3 thì có một xe ô tô loại 7 chỗ (không rõ biển kiểm soát) đi đến, có 06 người đàn ông Trung Quốc xuống xe và lên xe của Nguyễn Dũng T. Nguyễn Dũng T thấy những người này nói với nhau bằng tiếng Trung Quốc, xác định đây là những người Trung Quốc nhập cảnh trái phép cần đón đưa về tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh), khi Nguyễn Dũng T chuẩn bị điều khiển xe chở 06 người Trung Quốc đi thì lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyễn Dũng T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên và xác định chiếc xe ô tô nhãn hiệu Suzuki biển kiểm soát 30K.27xxx là tài sản riêng của chị Nguyễn Thị Thanh T2 và đề nghị trả lại chiếc xe cho chị Nguyễn Thị Thanh T2.

Chị Nguyễn Thị Thanh T2 trình bày: Chị là vợ của Nguyễn Dũng T. Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Suzuki biển kiểm soát 30K.27xxx là tài sản riêng của chị trong thời kỳ hôn nhân có nguồn gốc chị được bố mẹ đẻ của chị cho tiền mua chiếc xe đó, có văn bản thỏa thuận lập ngày 26/5/2023 với nội dung chiếc xe là tài sản riêng của chị do được bố mẹ đẻ cho tiền để mua xe. Xe do chị thường xuyên sử dụng để đi làm và đưa con đi học. Ngày 22/4/2025, bị cáo mượn xe của chị đi có việc. Việc bị cáo sử dụng xe chở người nhập cảnh trái phép chị không biết. Chị đề nghị trả lại chiếc xe ô tô nói trên và các giấy tờ liên quan đến chiếc xe cho chị.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2025/HS-ST ngày 07-9-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn:

Căn cứ vào điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 47, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 33, 47, 50 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Dũng T phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép. Xử phạt bị cáo Nguyễn Dũng T 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 23/4/2025.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Dũng T số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Suzuki, biển kiểm soát 30K.27xxx kèm giấy tờ xe mang tên chị Nguyễn Thị Thanh T2.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định xử lý một số vật chứng khác, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định.

Trong thời hạn luật định, bị cáo Nguyễn Dũng T kháng cáo phần vật chứng; đề nghị trả lại 01 xe ô tô nhãn hiệu Suzuki, biển kiểm soát 30K.27xxx và giấy tờ xe cho vợ của bị cáo là chị Nguyễn Thị Thanh T2.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Dũng T giữ nguyên nội dung kháng cáo và xác định chiếc xe ô tô nhãn hiệu Suzuki biển kiểm soát 30K.27xxx là tài sản riêng của chị Nguyễn Thị Thanh T2 và đề nghị trả lại chiếc xe cho chị Nguyễn Thị Thanh T2.

Chị Nguyễn Thị Thanh T2 giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; chị đề nghị Tòa án chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, trả lại chiếc xe ô tô và các giấy tờ liên quan đến chiếc xe cho chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Bản án sơ thẩm kết án bị cáo về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; bị cáo không có kháng cáo về tội danh và hình phạt.

Đối với kháng cáo của bị cáo về phần vật chứng: 01 xe ô tô nhãn hiệu Suzuki biển kiểm soát 30K.27xxx, được chị Nguyễn Thị Thanh T2 đứng tên sở hữu; có Văn bản thỏa thuận ngày 26/5/2023 thể hiện nội dung xác định chiếc xe là tài sản riêng của chị Nguyễn Thị Thanh T2 do chị Nguyễn Thị Thanh T2 được bố mẹ đẻ của chị cho tiền để mua xe, có sự xác nhận, cam kết của anh Nguyễn Dũng T đây là tài sản riêng của chị T2 trong thời kỳ hôn nhân; mặc dù văn bản này không được công chứng, chứng thực nhưng thể hiện ý chí, tự nguyện của các bên, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật, đã có sự

chứng kiến của 03 người làm chứng. Như vậy, đủ cơ sở khẳng định chiếc xe ô tô này là tài sản riêng của chị Nguyễn Thị Thanh T2 trong thời kỳ hôn nhân. Mặt khác, chị Nguyễn Thị Thanh T2 không biết việc chồng sử dụng vào việc phạm tội nên không có lỗi.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm d khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 41/2025/HS-ST ngày 07-9-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn về phần quyết định xử lý vật chứng; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh T2 01 xe ô tô nhãn hiệu Suzuki biển kiểm soát 30K.27xxx cùng toàn bộ giấy tờ có liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Dũng T thừa nhận toàn bộ nội dung đã được tóm tắt ở phần trên. Do có căn cứ xác định: Khoảng 22 giờ 20 phút ngày 22/4/2025, tại khu vực đường C thuộc khối H thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (nay là phường K, tỉnh Lạng Sơn,) bị cáo Nguyễn Dũng T đã có hành vi dùng xe ô tô nhãn hiệu Suzuki biển kiểm soát 30K.27xxx chở 06 người có quốc tịch Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam để chở đến tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh) mục đích hưởng tiền công thì phát hiện bắt quả tang. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Dũng T về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép quy định điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo về vật chứng là xe ô tô nhãn hiệu Suzuki biển kiểm soát 30K.27xxx, thấy rằng:

[3] Văn bản thỏa thuận ngày 26/5/2023, có sự tham gia của bị cáo và chị Nguyễn Thị Thanh T2, ông Nguyễn Đình H, bà Lê Thị T3 (bố mẹ chị T2), người chứng kiến anh Nguyễn Dũng T4 (em trai ruột của bị cáo), Lê Tiến H1, Võ Thị H2 (cháu họ của ông H, bà T3), có nội dung thể hiện: Hai vợ chồng ông H, bà T3 cho riêng chị T2 570.000.000 đồng để mua xe, xe ô tô là 02 ông bà cho riêng chị T2, dành riêng cho chị T2, chị T2 là người duy nhất toàn quyền định đoạt xe; anh T không có đóng góp, không có quyền sở hữu, định đoạt đối với chiếc xe ô tô này. Anh T cam kết xe ô tô này là tài sản riêng của vợ, không phải tài sản chung của 02 vợ chồng, không có bất cứ tranh chấp, khiếu nại về sau và hai vợ chồng cam kết không có thỏa thuận nào về việc đưa xe ô tô này về khối tài sản chung của vợ chồng; nếu sau này giữa chị T2 và T có tranh chấp về tài sản hoặc phát sinh các vấn đề pháp luật trong thời kỳ hôn nhân thì xe ô tô trên là tài sản của con gái ông bà...

[4] Ngay sau khi bị bắt và suốt quá trình điều tra, xét xử, bị cáo Nguyễn Dũng T xác định chiếc xe ô tô nhãn hiệu Suzuki biển kiểm soát 30K.27xxx là tài sản riêng của chị Nguyễn Thị Thanh T2 trong thời kỳ hôn nhân theo Văn bản thỏa thuận ngày 26/5/2023. Lời khai của bị cáo phù hợp với nội dung văn bản

thỏa thuận lập ngày 26/5/2023 và phù hợp với lời khai của chị Nguyễn Thị Thanh T2, ông Nguyễn Đình H, bà Lê Thị T3, anh Nguyễn Dũng T4 và phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên chị Nguyễn Thị Thanh T2.

[5] Nội dung trong Văn bản thỏa thuận ngày 26/5/2023 là đúng ý chí, các bên hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; mặc dù không công chứng chứng thực nhưng đã có sự chứng kiến của 03 người làm chứng; mặt khác, nội dung văn bản thể hiện bố mẹ chị T2 cho riêng chị T2 số tiền 570.000.000 đồng để mua xe, đây là hợp đồng tặng cho động sản do vậy thỏa thuận này pháp luật không quy định thuộc trường hợp bắt buộc phải công chứng, chứng thực theo quy định tại Điều 119, 458 Bộ luật Dân sự. Do vậy, Văn bản thỏa thuận ngày 26/5/2023 là có hiệu lực theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 43 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Tài sản riêng của vợ, chồng gồm tài sản mà mỗi người có trước khi kết hôn; tài sản được thừa kế riêng, được tặng cho riêng trong thời kỳ hôn nhân...*”.

[6] Từ những phân tích trên, có thể khẳng định chiếc xe ô tô nhãn hiệu Suzuki biển kiểm soát 30K.27xxx là tài sản riêng của chị Nguyễn Thị Thanh T2 trong thời kỳ hôn nhân. Ngày 22/4/2025, bị cáo mượn xe của chị đi có việc, việc bị cáo sử dụng xe chở người nhập cảnh trái phép chị Nguyễn Thị Thanh T2 không biết, không có lỗi. Việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên tịch thu hóa giá chiếc xe làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị cáo Nguyễn Dũng T và chị Nguyễn Thị Thanh T2; do vậy cần phải sửa một phần bản án sơ thẩm, trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh T2 là chủ sở hữu đứng tên hợp pháp chiếc xe ô tô cùng toàn bộ giấy tờ có liên quan.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đối với kháng cáo là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[9] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm d khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Dũng T, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2025/HS-ST ngày 07-9-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn đối với phần xử lý vật chứng liên quan đến chiếc xe ô tô nhãn hiệu Suzuki biển kiểm soát 30K.27xxx , cụ thể như sau:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 117, 119, 458 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 43 của

Luật Hôn nhân và gia đình; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về xử lý vật chứng: Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh T2:

- 01 (một) xe ô tô biển kiểm soát 30K.27xxx ; nhãn hiệu Suzuki; số loại: XL7, màu đỏ; số máy: K15BT1287938; số khung: MHYANC22SMJ914036, xe cũ đã qua sử dụng;

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 354374, tên chủ xe Nguyễn Thị Thanh T2 do Phòng C2 Công an thành phố H cấp ngày 26/5/2023;

- 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số EB 1013866 do Trung tâm Đ cấp ngày 13/6/2024.

(Các vật chứng trên được ghi chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 26-8-2025 giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh L và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Lạng Sơn thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn).

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Dũng T không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Toà phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội;
- Viện phúc thẩm VKSNDTC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PA09, PV06 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- TAND khu vực 1 - Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 1 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 1 - Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người TGTG khác;
- Phòng GDKT, TT&THA;
- Lưu: HS; Tòa HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Đức Chính

